

Thép điện trở 80/20 Ni Cr

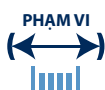
Đặc điểm chính

Các yếu tố làm nóng trong cả thiết bị gia dụng và công nghiệp và trong điện trở điều khiển

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



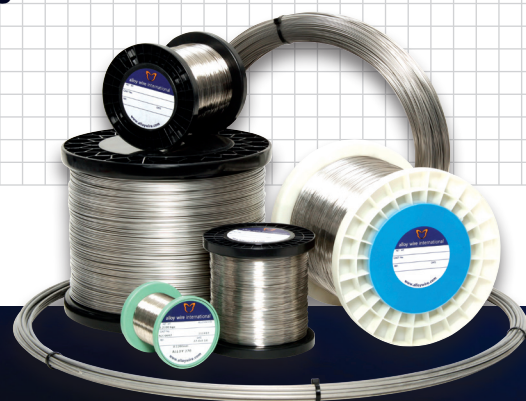
Hỗ trợ kỹ thuật

80/20 Ni Cr có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh hoặc thép dài



Thép điện trở 80/20 Ni Cr

Thép điện trở 80/20 Ni Cr còn được gọi là Nichrome / Nicrove V, Brightray C, Cronix 80, Nicrothal 80, Chromalloy, Chromel, Gilphy 80.

Thành phần hóa học			Ký hiệu	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	W.Nr. 2.4869 UNS N06003 AWS 080	Các yếu tố làm nóng trong cả thiết bị gia dụng và công nghiệp và trong điện trở điều khiển
C	–	0.15		
Si	0.50	2.00		
Mn	–	1.00		
P	–	0.02		
S	–	0.015		
Cr	19.00	21.00		
Ni	75.00	–		
Al	–	0.30		
Cu	–	0.50		
Fe	–	1.00		

Khối lượng riêng	8.31g/cm ³	0.300 lb/in ³
Điện trở suất ở 20°C	108 microhm • cm	650 ohm. Circ. mil/ft
Nhiệt độ vận hành tối đa Để sử dụng như Thành phần gia nhiệt Để sử dụng trong cắt nóng, chế tạo – Uốn dây	1200 °C 300 °C	2200 °F 572 °F
Điểm nóng chảy	1400 °C	2550 °F
Hệ số giãn nở	12.5 µm/m °C (20 – 100°C)	7.0 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)

Nhiệt độ – Trở kháng (F) của hợp kim ở:

20°C	100°C	200°C	300°C	400°C	500°C	600°C	700°C	800°C	900°C	1000°C	1100°C	1200°C
68°F	212°F	392°F	572°F	752°F	932°F	1112°F	1292°F	1472°F	1652°F	1832°F	2012°F	2192°F
1.00	1.006	1.015	1.028	1.045	1.065	1.068	1.057	1.051	1.052	1.062	1.071	1.080